KIOSK PNE-T600 KIOSK KIỂM TRA SỨC KHỎE

CHO CHƯƠNG TRÌNH CHĂM SÓC SỨC KHỎE

DOANH NGHIỆP & SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP

PNE-T600

All-in-one health checkup station



ĐIỂM NỔI BẬT CỦA SẢN PHẨM

- Sử dụng công nghệ phân tích điện trở sinh học (BIA) tiên tiến để cung cấp dữ liệu chính xác về thành phần cơ thể (chất béo, cơ, nước, protein và khối lượng xương).
- Tích hợp điện tâm đồ 12 đạo trình, được trang bị bộ lọc cho điện cơ (EMG), nhiễu nền và nhiễu từ đường dây điện; tuân thủ các tiêu chuẩn chẩn đoán lâm sàng.
- Các thông số kiểm tra toàn diện: điện tâm đồ, đường huyết, axit uric, tổng cholesterol, triglyceride, HDL-C, LDL-C, hemoglobin và phân tích nước tiểu 12 thông số.
- Thiết kế màn hình kép: màn hình cảm ứng chính 24 inch và màn hình phụ 21,5 inch (dùng để phát video quảng bá sức khỏe và hiển thị kết quả đo).
- Lựa chọn hệ điều hành (Windows hoặc Android). Các tùy chọn kết nối: RS232, Wi-Fi, LAN (RJ45) và USB. Hỗ trợ nhận diện khuôn mặt để tự động xác định bệnh nhân.
- Khả năng tùy chỉnh linh hoạt với các tính năng bổ sung tùy chọn: máy đo lực nắm tay, kiểm tra chức năng phổi (dung tích sống), kiểm tra thị lực/mù màu, bảng câu hỏi về sức khỏe tâm thần và đánh giá thể trạng theo y học cổ truyền (TCM).
- Đạt các chứng nhận tuân thủ quốc tế và hỗ trợ giao diện bằng 1 đến 32 ngôn ngữ, sản phẩm đáp ứng nhu cầu tùy chỉnh của các thị trường trên khắp Bắc Mỹ, Châu Âu, Trung và Nam Mỹ, khu vực Đại Tây Dương.
- Kios sức khỏe OEM với ngôn ngữ, logo, nhãn dán và bao bì tùy chỉnh.
- Thiết bị kiểm tra sức khỏe toàn diện ODM với khả năng phát triển chương trình thứ cấp.

Thông số :

- Tùy chỉnh : tích hợp
- Dịch vụ sau bán hàng : hướng dẫn trực tuyến suốt đời và dịch vụ hậu mãi
- Bảo hành : 12 tháng
- Chức năng : Trọng lượng cơ thể, Mỡ cơ thể, Calo, Uống nước đi, thành phần cơ thể (45 hạng mục), điện tâm đồ, phân tích nước tiểu, cholesterol
- Kiểu hiển thị : LCDChứng nhận
- Chứng nhận (tiêu chuẩn) : **CE, RoHS, ISO: Tổ chức Tiêu chuẩn Hóa Quốc tế**
- Chất liệu : Abs + thép

- Hệ điều hành: windows hoặc android
- Chế độ khởi động : **mã QR, ID, nhận diện khuôn mặt, nhập thủ công**
- Màn hình: **24+21.5inch màn hình cảm ứng LCD HD**

HỆ THỐNG ĐO

- Phân tích trở kháng sinh học : ecg 12 dây
- Điện tâm đồ động 12 chuyển đạo tiêu chuẩn rugensiti
- Truyền dữ liệu: Wifi, Bluetooth,RJ45 đến hệ thống EMR hoặc hệ thống khác
- Hemoglobin và hematocrit:40g/l-265g/l
- Đường huyết : phạm vi đo: 1.1-33.3mmol/l (20-600mg/dl)
- Máy in a4
- Phân tích thành phần cơ thể: khối lượng mỡ, chuyển hóa cơ bản, hàm lượng nước, xương
- Phân tích Uric acid : thang đo range:0.18-1.19mmol/l (3-20mg/dl)
- Phân tích cholesterol : đang đo range:2.59-10.35mmol/l (100-400mg/dl)
- Nhịp tim : phạm vi đo: 40–199 lần/phút accuracy:+5%
- Tính năng tùy chỉnh: các xét nghiệm về dung tích sống, lực nắm, thị lực

THÂN MÁY : 155*72*58CM 90kg 0.73 155*135*75CM 144kg

TRỌNG LƯỢNG : 234kg

Nhãn Hiệu : **OEM - PNE**

Xuất Xứ : China

Năng Lực Sản Xuất: **30000/tháng**

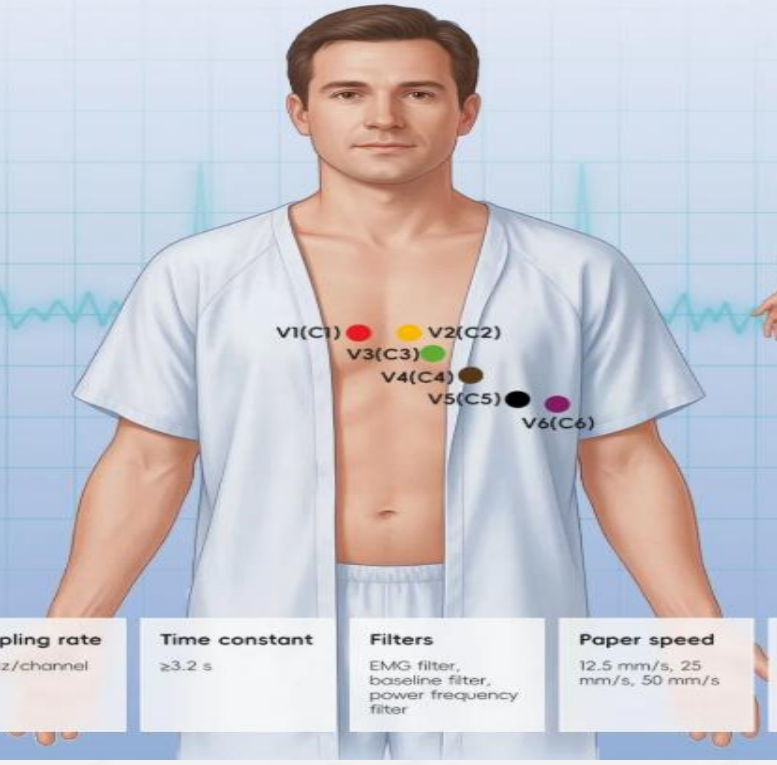
HÌNH ẢNH SẢN PHẨM CỦA PNE-T600 KIOSK KIỂM TRA SỨC KHỎE





12-LEAD ECG TEST

A comprehensive and accurate assessment of heart function





Sampling rate	Time constant	Filters	Paper speed	Frequency response	Sensitivity
500 Hz/channel	≥3.2 s	EMG filter, baseline filter, power frequency filter	12.5 mm/s, 25 mm/s, 50 mm/s	0.05 Hz–150 Hz (-3.0 dB to +0.4 dB)	5 mm/mV 10 mm/mV 20 mm/mV

BLOOD SUGAR, URIC ACID TOTAL CHOLESTEROL

One-time sampling, simultaneous monitoring of three metabolic indicators



Blood Glucose

Screening for Diabetes

Uric acid

Screens for gout flares, tophi, and kidney stones

Total Cholesterol

Cardiovascular disease risk screening (no "three highs" [hypertension, hyperglycemia, hyperlipidemia], no vascular disease

TÍNH NĂNG MỞ RỘNG

1. Hướng dẫn người dùng cách sử dụng thiết bị, từng bước khi đo bằng âm thanh.
2. Hiển thị ngày giờ quá trình cân đo sức khoẻ
3. Tên các tính năng, các chỉ số sức khỏe được hiển thị trên màn hình sau khi kết thúc từng bước và được in báo cáo cùng các chỉ số trong giới hạn để người dùng tham khảo.
4. Lời nhắc nhập dữ liệu, khoảng giá trị hợp lệ, lỗi nhập liệu và trạng thái quá trình thao tác.
5. Chỉ số đánh giá: Các mức đánh giá BMI, chỉ số cơ thể, huyết áp, điện tim,.. có mức đánh giá (bình thường/thấp/cao) để cảnh báo sức khỏe, có thể in hoặc xuất Excel/PDF/Word.
6. Các bước đo chính: Có các module như chiều cao-cân nặng, mỡ cơ thể, thân nhiệt, SpO2, huyết áp, điện tim, đường huyết, mỡ máu, nước tiểu, thị lực, chức năng phổi, mật độ xương... được set tuỳ theo dòng sản phẩm.
7. Chức năng báo cáo / tra cứu / thao tác giao diện: Các nút tra cứu, xuất file, trạng thái upload, thông tin bản ghi, nút xóa/in/xem báo cáo.
8. Thông báo hệ thống: Các thông báo lỗi, cảnh báo, nhắc kích hoạt hoặc cài đặt phần mềm.
9. Đăng nhập người dùng: nhập mã ID hoặc nhận diện khuôn mặt để lấy thông tin người dùng.
10. Có cấu hình giọng nói, Bluetooth, cổng COM, tải dữ liệu lên server/API, và mã thiết bị/token để kết nối phần mềm ngoài.
11. Quản trị người dùng, mật khẩu, thứ tự đo, thời gian chờ, chế độ đo thủ công, đo lại và tra cứu bản ghi.

Human body composition

Happy Care

Number	Name	Height	Gender	Age	Time
20260129085603895	–	160.0cm	Female	25	2026-01-29 08:56

Body Composition Analysis

Test items	Test results	Reference range
Total body water (kg)	24.8	(22.5-30)
Protein mass (kg)	6.6	(8-9)
Inorganic salt (kg)	1	(–)
Fat mass (kg)	13.8	(10.5-14)
Basic metabolism (Kcal)	1157	(≥1100)
Intracellular fluid (kg)	16.5	(15-19.9)
Extracellular fluid (kg)	8.3	(7.5-10.1)

Muscle fat analysis

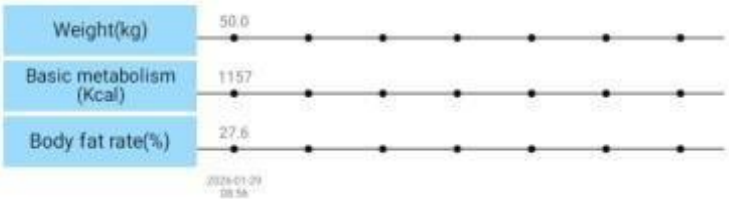


Obesity Analysis



Historical Data

(recent 7 records)



Bio-impedance

57802752 (20KHz)

Health Score



Body Age:23

*Total score that reflects the evaluation of bodycomposition. A muscular person may score over100 points.

Body shape

★ Current

Body fat rate (%)

Masked obesity	Excessive fat	Obesity
Muscle deficiency	Shapely ★	Muscular
Thin	Low-fat	Athletic

BMI (18.5-24.9)

Evaluation

Nutritional Evaluation		Weight control	(kg)
Protein	↓	Ideal weight	55.7
Inorganic salt	√	Weight control	5.7
Fat	√	Fat control	-1.6
		Muscle control	0.9

Diet-exercise Recommendations (Kcal)

	100	150	174
Healthy Dietary Intake	Walking 30 mins consumption	Biking 30 mins consumption	Swimming 30 mins consumption

Maintaining a healthy diet and moderate exercise will help maintain body shape

No.:20260129085603895 Name: Gender:Female Date:2026-01-29 08:56:03

Body Temperature

Test results

Item	Result	Unit	Evaluation	Reference Value
Body Temperature	36.3	℃	Normal	35.5~37.8

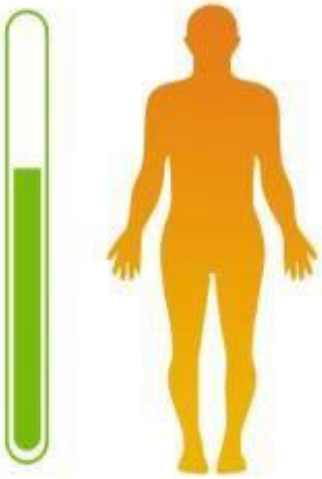


[Health advice]

Your temperature is Normal

[Medical interpretation]

The body temperature of a healthy person is relatively constant. When the body temperature exceeds the highest limit of normal body temperature, it is called fever, which is what ordinary people call fever. The traditional concept holds that the normal temperature is 37 ℃, but because of the influence of the test location, time, season, individual differences and other factors, it is now believed that the normal temperature cannot be simply represented by a figure of 37 ℃.



History

Body Temperature (℃)



No.:20260129085603895 Name: Gender:Female Date:2026-01-29 08:56:03

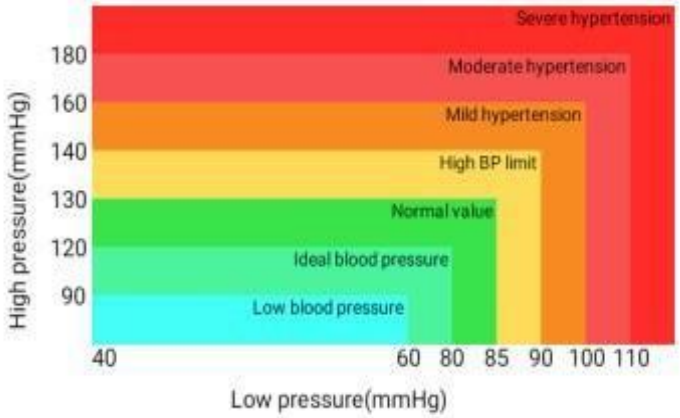
Blood Pressure(Left Arm)

Test results

Item	Result	Unit	Evaluation	Reference Value
High pressure	112	mmHg	Normal	90~139
Low pressure	86	mmHg	Normal	60~89
Pulse	78	BPM	Normal	60~100

[Medical interpretation]

Blood pressure (BP) refers to the lateral pressure acting on the vessel wall of unit area when blood flows in the vessel again, which is the power to promote blood flow in the vessel again. It is divided into arterial blood pressure, capillary blood pressure and venous blood pressure in different blood vessels, and the commonly said blood pressure refers to the arterial blood pressure of systemic circulation.



History

High pressure (mmHg)



Low pressure (mmHg)



Pulse (BPM)



No.:20260129085603895 Name: Gender:Female Date:2026-01-29 08:56:03

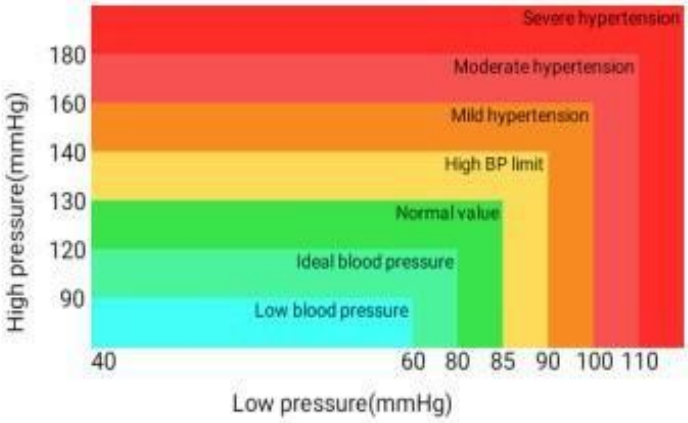
Blood Pressure(Left Arm)

Test results

Item	Result	Unit	Evaluation	Reference Value
High pressure	112	mmHg	Normal	90~139
Low pressure	86	mmHg	Normal	60~89
Pulse	78	BPM	Normal	60~100

[Medical interpretation]

Blood pressure (BP) refers to the lateral pressure acting on the vessel wall of unit area when blood flows in the vessel again, which is the power to promote blood flow in the vessel again. It is divided into arterial blood pressure, capillary blood pressure and venous blood pressure in different blood vessels, and the commonly said blood pressure refers to the arterial blood pressure of systemic circulation.



History

High pressure (mmHg)



Low pressure (mmHg)



Pulse (BPM)



No.:20260129085603895 Name:- Gender:Female Date:2026-01-29 08:56:03

Total items

24 Items

Abnormal 3 items



Abnormal physical examination items	Test value	Unit	Reference Value
Body bone mass	1.9↓	kg	2.1 - 2.3kg
Protein mass	6.6↓	kg	8 - 9kg
subcutaneous fat rate	26.5↑	%	9.3 - 13.4%

Total physical examination results

Height And Weight

Item	Result	Unit	Reference Value
Height	160.0	cm	--
Weight	50.0	kg	47.36 - 63.9kg
Body mass index	19.5	--	18.5 - 24.9

Human body composition

Item	Result	Unit	Reference Value
Body fat rate	27.6	%	21 - 28%
Fat mass	13.8	kg	10.5 - 14kg
Body water mass	24.8	kg	22.5 - 30kg
Muscle mass	34.3	kg	32.9 - 37.5kg

Human body composition

Item	Result	Unit	Reference Value
Muscle rate	68.6	%	--
Basic metabolism	1157	Kcal	≥1100Kcal
Inorganic salt	1	kg	--
Body bone mass	1.9↓	kg	2.1 - 2.3kg
Protein mass	6.6↓	kg	8 - 9kg
Fat free weight	36.2	kg	--
Extracellular fluid	8.3	kg	7.5 - 10.1kg
Intracellular fluid	16.5	kg	15 - 19.9kg
subcutaneous fat rate	26.5↑	%	9.3 - 13.4%
Subcutaneous fat mass	13.2	kg	--
Visceral fat grade	2	--	0 - 9

Body Temperature

Item	Result	Unit	Reference Value
Body Temperature	36.3	℃	35.5 - 37.8℃

Blood Oxygen

Item	Result	Unit	Reference Value
Blood oxygen saturation	99	%	95 - 100%
Pulse rate	83	bpm	60 - 100bpm

Blood pressure and pulse

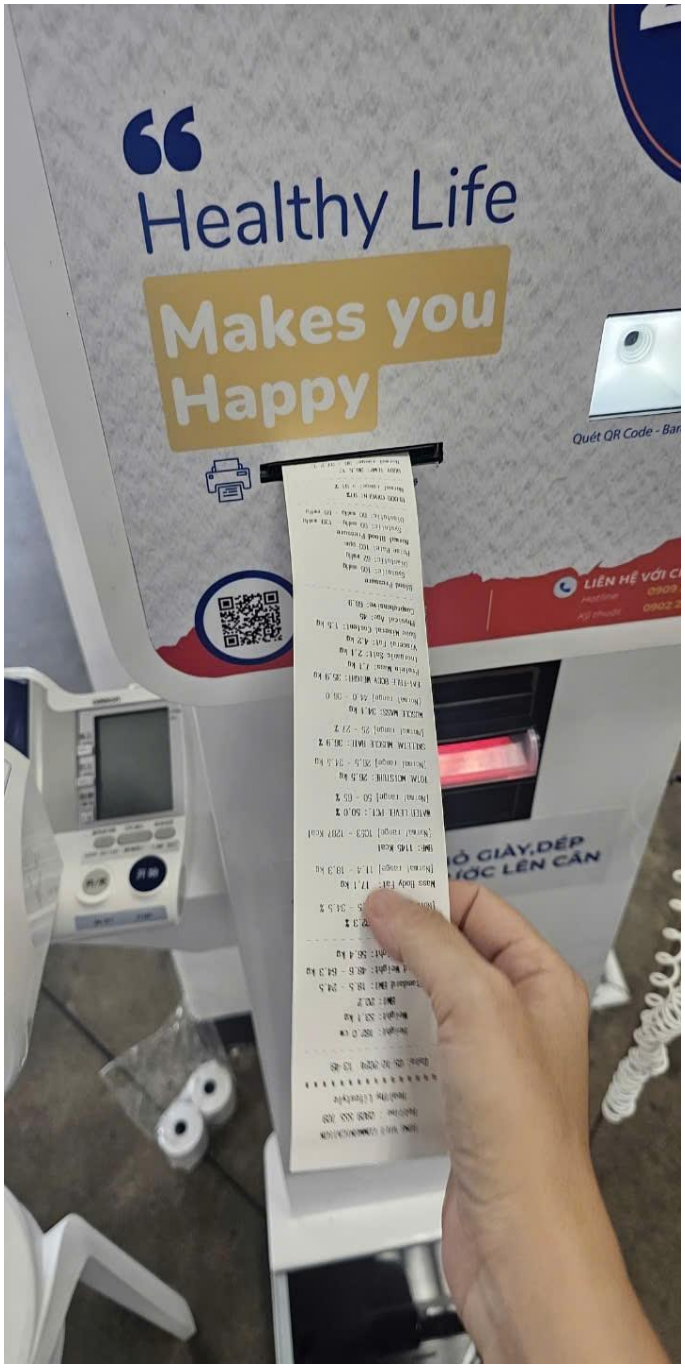
Item	Result	Unit	Reference Value
Systolic blood pressure(Left)	112	mmHg	90 - 139mmHg
Diastolic blood pressure(Left)	86	mmHg	60 - 89mmHg
Pulse	78	bpm	60 - 100bpm

CHỈ SỐ NHẬN ĐƯỢC

Với 2 chỉ số :

- Chỉ số thực cơ thể được tô đậm.
- Chỉ số thông thường trong độ tuổi với chiều cao cân nặng

=> Để người dùng dễ so sánh, điều chỉnh chế độ tập luyện ăn uống hướng tới chỉ số lý tưởng.



PHIẾU KẾT QUẢ

			EXAMPLE/ MẪU
01	Height	Chiều cao	163.4cm
	weight	Cân nặng	53.6kg
	BMI	Chỉ số BMI	20.1
	Standard BMI	Tiêu chuẩn BMI	18.5 - 24.5
	Standard Weight	Tiêu chuẩn Cân nặng	49.4 - 65.4kg
	Ideal Weight	Cân nặng lý tưởng	57.4kg
02	BLOOD PRESSURE	HUYẾT ÁP	
	Systolic	Tâm thu	127mmHg
	Diastolic	Tâm trương	72mmHg
	Pulse Rate	Tốc độ xung	77ppm
	NORMAL BLOOD PRESSURE	HUYẾT ÁP BÌNH THƯỜNG	
	Systolic	Tâm thu	90 - 139mmHg
	Diastolic	Tâm trương	60 - 89mmHg
03	BODY FAT INDEX	CHỈ SỐ MỠ CƠ THỂ	30.4%
	Normal range	Phạm vi bình thường	20.5 -34.5%
	MASS BODY FAT	KHỐI LƯỢNG MỠ	16.2kg
	Normal range	Phạm vi bình thường	11.5 - 18.5kg
	BMR (BASAL METABOLIC RATE)	BMR (TỶ LỆ TRAO ĐỔI CHẤT)	1175kcal
	Normal range	Phạm vi bình thường	1053 -1287kcal
	WATER LEVEL PCT	LƯỢNG NƯỚC PCT	51.4%
	Normal range	Phạm vi bình thường	50-67%
	TOTAL MOISTURE	TỔNG ĐỘ ẨM	27.5kg
	Normal range	Phạm vi bình thường	26.8 - 34.9kg
	SKELETAL MUSCLE RATE	TỶ LỆ CƠ XƯƠNG	38.2%
	Normal range	Phạm vi bình thường	25-27%
	MUSCLE MASS	KHỐI LƯỢNG CƠ	35.4kg
	Normal range	Phạm vi bình thường	44.8-36.6kg
	FAT FREE BODY WEIGHT	TRỌNG LƯỢNG CƠ THỂ KHÔNG MỠ	37.3kg
	protein Mass	Khối lượng protein	7.3kg
	Inorganic Salt	Muối vô cơ	2.2kg
	Visceral Fat	Mỡ nội tạng	3.4kg
	Bone Mineral Content	Hàm lượng khoáng xương	1.6kg
	Physical Age	Tuổi vật lý	32
	Comprehensive	Toàn diện	70.7
04	BODY TEMP	NHIỆT ĐỘ CƠ THỂ	37.0°C
	Normal range	Phạm vi bình thường	36 - 37.2°C
05	BLOOD OXYGEN (POS2)	OXY TRONG MÁU	99%
	Normal range	Phạm vi bình thường	>91%